TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG PHÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2023/HNGĐ - ST.
Ngày: 20 - 6 - 2023.
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Hồng Điệp;

Bà Trần Thị Thanh Nhanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Gia Mẫn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Như - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2023/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2023/QĐXX-ST ngày 16 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1990; HKTT: Thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Ninh Thuận; chỗ ở hiện nay: Số X đường Z, phường Q, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt có đơn xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1988; địa chỉ: Ấp H, xã Trường K, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện lập ngày 20/3/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Kim T trình bày: Vào năm 2011, bà Nguyễn Thị Kim T và ông Phạm Văn T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng, giấy chứng nhận kết hôn số 239, ngày 25/11/2011. Sau khi kết hôn ông, bà chung sống hạnh phúc đến tháng 8 năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Do mâu thuẫn trầm trọng nên ông T, bà T không chung sống từ tháng 8 năm 2013 đến nay. Trong thời gian chung sống ông T, bà T có 01 người con chung tên Phạm Trường P, sinh ngày

24/8/2012. Hiện cháu Phát đang sống chung với bà T. Quá trình chung sống ông T, bà T không có tài sản chung và không có nợ chung.

Bà Nguyễn Thị Kim T yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn T; về con chung: Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, nợ chung: Không có nên bà T không yêu cầu gì.

- Đối với bị đơn ông Phạm Văn T: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông T, nhưng ông T không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông T để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng ông T vắng mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông T biết. Bị đơn ông Phạm Văn T đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- Tại phiên toà, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đối với bị đơn ông Phạm Văn T chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa xét thấy tình trạng của vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim T và ông Phạm Văn T đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T; giao cháu Phạm Trường Phát, sinh ngày 24/8/2012 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi T niên, ông T không cấp dưỡng cho con chung; về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 20/3/2023, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T trình bày: Vào năm 2011, bà Nguyễn Thị Kim T và ông Phạm Văn T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trường Khánh, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng, giấy chứng nhận kết hôn số 239, ngày 25/11/2011. Bà T yêu cầu xin được ly hôn với ông Phạm Văn T và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết. Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giải quyết "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Trong vụ án, bị đơn ông Phạm Văn T cư trú tại ấp H, xã K, huyện P, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện Long Phú thụ lý

giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Phạm Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng không lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T và bị đơn ông Phạm Văn T.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, bà Nguyễn Thị Kim T và ông Phạm Văn T tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã K, huyện P, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 239, ngày 25/11/2011 nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 85 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, bà T có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xét lý do yêu cầu ly hôn của bà T, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong thời gian chung ông bà thường xảy ra bất đồng ý kiến trong cuộc sống nên vợ chồng thường cãi vã qua lại, mâu thuẫn kéo dài từ đó cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc. Ông T và bà T đã sống ly thân với nhau từ tháng 8 năm 2013 cho đến nay và sau khi sống ly thân thì ông T và bà T không hàn gắn được tình cảm. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để động viên vợ chồng ông T và bà T đoàn tụ với nhau nhưng ông T vẫn vắng mặt và bà T vẫn kiên quyết ly hôn với ông T vì tình cảm vợ chồng không còn. Như vậy, tình trạng của vợ chồng ông T và bà T đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét yêu cầu xin ly hôn của bà T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 89 và Điều 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông T.

[5] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim T xác định trong thời gian chung sống, bà T và ông T có 01 người con chung là Phạm Trường Phát, sinh ngày 24/8/2012, hiện đang sống chung với bà T; bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi T niên. Xét thấy, từ khi bà T và ông T không sống chung với nhau cho đến nay cháu Phát do bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và quá trình giải quyết vụ án cháu Phát có nguyện vọng sống chung với bà T. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu Phát, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải giao cháu Phát cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 92 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Ngoài ra, căn cứ vào Điều 94 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, Hội đồng xét xử dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho ông Phạm Văn T mà không ai được cản trở.

[6] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Kim T không yêu cầu cấp dưỡng cho con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kim T xác định trong thời gian chung sống bà T và ông Phạm Văn T không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Phạm Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 85, khoản 1 Điều 89, Điều 91, Điều 92 và Điều 94 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với ông Phạm Văn T.

1.2. Về con chung: Giao cháu Phạm Trường P, sinh ngày 24/8/2012 cho bà Nguyễn Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi T niên; ông Phạm Văn T không cấp dưỡng cho con chung. Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho ông Phạm Văn T mà không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kim T xác định trong thời gian chung sống bà T và ông Phạm Văn T không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006975 ngày 05/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng; như vậy, bà Nguyễn Thị Kim T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm. Ông Phạm Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc ngày tống đạt hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Long Phú;
- UBND thị trấn P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Ngọc Ánh